

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ**  
**PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE**

**Kính gửi/To: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ The State Securities Commission**  
**Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM/ Ho Chi Minh City Stock Exchange**

- Tên Công ty Quản lý Quỹ/*Name of FMC*: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)
  - Tên Quỹ ETF niêm yết/*Name of ETF*: **Quỹ ETF MAFM VN30**
  - Mã chứng khoán/*Stock code*: **FUEMAV30**
  - Địa chỉ trụ sở chính/*Address*: Tầng 38, Keangnam Hanoi Landmark Tower, Khu E6, Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
  - Điện thoại/*Tel*: +84 24 3564 0666 Fax: +84 24 3564 0555
  - Email: [mafmc@miraeasset.com](mailto:mafmc@miraeasset.com) website: <http://www.fundmanagement-miraeasset.com.vn/>

**2. Nội dung thông tin công bố/ Contents of disclosure:**

**Báo cáo Tổng kết hoạt động Quản lý Quỹ năm 2023 / Operational report year 2023**

- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty/ Quỹ vào ngày 25/03/2024 tại đường dẫn: <http://www.fundmanagement-miraeasset.com.vn/pages/thong-tin-ve-quy> / This information was published on the company's/the Fund's website on 25/03/2024, as in the link: <http://www.fundmanagement-miraeasset.com.vn/pages/thong-tin-ve-quy>

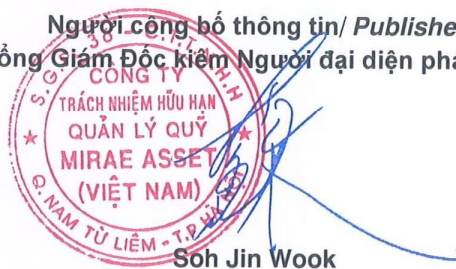
Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./ We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

**Tài liệu đính kèm/**

**Attachment:**

Báo cáo Tổng kết hoạt động Quản lý Quỹ năm 2023/ Operational report year 2023

**Người công bố thông tin/ Publisher**  
**Tổng Giám Đốc kiêm Người đại diện pháp luật**



Số: 319/2024/CV-MAFM

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2024

## BÁO CÁO

### Tổng kết hoạt động quản lý quỹ năm 2023

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

#### 1. Thông tin về quỹ

a) Tên của quỹ: Quỹ ETF MAFM VN30

Loại hình quỹ: Quỹ hoán đổi danh mục

b) Mục tiêu đầu tư của quỹ

Mục tiêu của Quỹ ETF MAFM VN30 là mô phỏng gần nhất có thể biến động (performance) của chỉ số VN30 sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số VN30 là chỉ số giá (price index) do Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh xây dựng và quản lý.

c) Thời hạn hoạt động của quỹ: được tính từ ngày được UBCKNN cấp giấy thành lập quỹ và không giới hạn về thời hạn hoạt động

d) Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio): Danh mục chỉ số giá VN30

Mã cổ phiếu và tỷ trọng trong FUEMAV30 tại ngày 31/12/2023 như sau:

Mã cổ phiếu	Tỷ trọng (%)	Mã cổ phiếu	Tỷ trọng (%)	Mã cổ phiếu	Tỷ trọng (%)
ACB	7,18%	MSN	3,70%	TCB	6,24%
BCM	0,22%	MWG	4,30%	TPB	1,96%
BID	0,84%	PLX	0,37%	VCB	4,24%
BVH	0,24%	POW	0,44%	VHM	4,85%
CTG	1,86%	ROS	0,00%	VIB	2,33%
FPT	8,91%	SAB	0,75%	VIC	4,37%
GAS	0,73%	SHB	2,67%	VJC	2,75%
GVR	0,28%	SSB	2,75%	VNM	4,84%
HDB	3,51%	SSI	2,94%	VPB	7,78%
HPG	7,68%	STB	4,52%	VRE	1,80%
MBB	4,57%				

e) Chính sách phân chia lợi nhuận:

- Việc chi trả lợi tức quỹ bảo đảm nguyên tắc:
  - Phù hợp với chính sách phân chia lợi nhuận;



- Thực hiện sau khi Quỹ đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại điều lệ quỹ (nếu có);
  - Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải bảo đảm có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và bảo đảm giá trị tài sản ròng không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng;
  - Mức chi trả lợi tức do Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc Ban Đại Diện Quỹ quyết định, phù hợp với mục tiêu đầu tư, các quy định tại Điều lệ quỹ về chính sách phân chia lợi nhuận của Quỹ;
  - Trường hợp phân phối lợi tức bằng chứng chỉ quỹ, quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- Công Ty Quản Lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân phối lợi tức cho Nhà Đầu Tư.
  - Nhà Đầu Tư có trong Danh sách Nhà Đầu Tư tại Ngày Giao dịch được công bố bởi Công Ty Quản Lý Quỹ cho việc phân phối lợi tức (“Ngày Chốt Danh Sách”) được coi là đủ điều kiện để nhận lợi tức. Trường hợp Nhà Đầu Tư đã chuyển nhượng số chứng chỉ quỹ của mình trong thời gian giữa thời điểm Ngày Chốt Danh Sách và thời điểm chi trả thì người chuyển nhượng là người nhận lợi tức.

f) Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành:

Tổng số chứng chỉ quỹ tại ngày 01/01/2023	28.100.000 CCQ
Tổng số lượng chứng chỉ quỹ phát hành thêm trong kỳ	100.000 CCQ
Tổng số lượng chứng chỉ quỹ mua lại trong kỳ	2.000.000 CCQ
Tổng số lượng chứng chỉ quỹ tại ngày 31/12/2023	26.200.000 CCQ

g) Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo: Không thay đổi.

h) Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo:

Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư Thường niên năm 2023 của Quỹ ETF MAFM VN30 ngày 27/04/2023 đã thông qua Kết quả hoạt động Quỹ năm 2022 và chiến lược đầu tư của Quỹ năm 2023; Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 của Quỹ; Thông qua phương án phân phối lợi nhuận của Quỹ năm 2022; Thông qua việc ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ lựa chọn tổ chức kiểm toán để soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Quỹ; Thông qua tổng ngân sách hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ năm 2023.

Thông tin này đã được công bố tại đường dẫn: <https://fundmanagement-miraeasset.com.vn/tin-tuc/cbtt-bien-ban-kiem-phiieu-va-nghi-quyet-dhndt-thuong-nien-nam-2023-quy-etf-mafm-vn30>

i) Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Điều 24 Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ ETF: Công ty Quản lý Quỹ đáp ứng đúng các quy định tại Điều 24 Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ ETF.

## 2. Báo cáo về kết quả hoạt động của quỹ

a) Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 31/12 của 3 năm gần nhất:

Quỹ được Ủy Ban Chứng Khoán nhà nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ vào ngày 29/10/2020 theo giấy chứng nhận số 46/GCN-UBCK.

- Danh mục đầu tư của quỹ phân bố theo ngành, lĩnh vực và loại sản phẩm (cổ phiếu, trái phiếu...) (*không nêu chi tiết cả danh mục theo mã chứng khoán*);

Danh mục đầu tư được phân bổ theo tài sản như sau:

<b>Cơ cấu tài sản quỹ</b>	<b>31/12/2023</b>	<b>31/12/2022</b>	<b>31/12/2021</b>
Danh mục chứng khoán	99,63%	99,75%	99,80%
Tài sản khác	0,37%	0,25%	0,20%
<b>Cộng</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00%</b>	<b>100,00%</b>

Danh mục đầu tư được phân bổ theo ngành như sau:

<b>NGÀNH</b>	<b>31/12/2023</b>	<b>31/12/2022</b>	<b>31/12/2021</b>
Tài chính	53,72%	46,2%	42,8%
Bất động sản	11,25%	16,1%	22,3%
Tiêu dùng thiết yếu	9,31%	14,0%	11,6%
Vật liệu	8,92%	7,4%	5,1%
Công nghệ thông tin	7,69%	6,0%	7,9%
Tiêu dùng không thiết yếu	4,31%	4,9%	5,7%
Công nghiệp	3,04%	3,3%	2,9%
Dịch vụ tiện ích	1,17%	1,5%	1,2%
Năng lượng	0,37%	0,4%	0,5%
Tiền và tương đương tiền	0,23%	0,1%	0,1%
<b>Tổng</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>

- Giá trị tài sản ròng của quỹ:

<b>Giá trị tài sản ròng</b>	<b>31/12/2023</b>	<b>31/12/2022</b>	<b>31/12/2021</b>
của quỹ ETF	351.346.559.243	332.224.553.382	693.955.395.427
của một lô chứng chỉ quỹ ETF	1.341.017.402	1,182,293,784	1.802.481.547
của một chứng chỉ quỹ	13.410,17	11.822,93	18.024,81
trên 1 đơn vị quỹ cao nhất trong kỳ báo cáo	14.902,03	18.294,88	18.453,81
trên 1 đơn vị quỹ thấp nhất trong kỳ báo cáo	11.822,37	10.637,42	11.900,42

- Tổng lợi nhuận của quỹ, nêu chi tiết phần lợi nhuận thu được từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn) và phần lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cổ tức, trái tức, lãi suất tiền gửi...) (giá trị thu nhập);

<b>STT</b>	<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>SỐ TIỀN</b>
1	Chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	53.898.731.002
2	Lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cổ tức, trái tức, lãi tiền gửi...)	6.969.583.900
3	Lợi nhuận/(Lỗ) thu được từ bán cổ phiếu, trái phiếu	(12.947.026.252)
4	Tổng chi phí	3.286.683.890
	<b>Tổng cộng (1+2+3-4)</b>	<b>44.634.604.760</b>



- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo, kể cả trong trường hợp chi trả bằng tiền mặt hoặc chi trả bằng đơn vị quỹ: không có
- Thời điểm phân chia lợi nhuận: không có
- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận: không có
- Tỷ lệ chi phí hoạt động trên GTTSR trung bình trong kỳ (%): 0,92%
- Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ/NAV trung bình trong kỳ: 15,90%
- Thông tin về các khoản vay nợ, các hạng mục thanh toán trả sau của công ty đầu tư chứng khoán (nếu có), các giao dịch repo/reverse repo.: không có

b) Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:

Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ phát sinh trong kỳ báo cáo xác định :

(i) trong thời hạn 12 tháng (1 năm)	<b>44,634,604,760</b>
(ii) trong thời hạn 36 tháng (3 năm)	<b>(15,585,310,159)</b>
(iii) trong thời hạn 60 tháng (5 năm)	Không áp dụng

c) Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc:

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác: nguyên tắc xác định giá trị tài sản của Quỹ được quy định chi tiết trong Điều lệ Quỹ và sổ tay định giá của Quỹ.
- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập: không có

d) Các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

### 3. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ

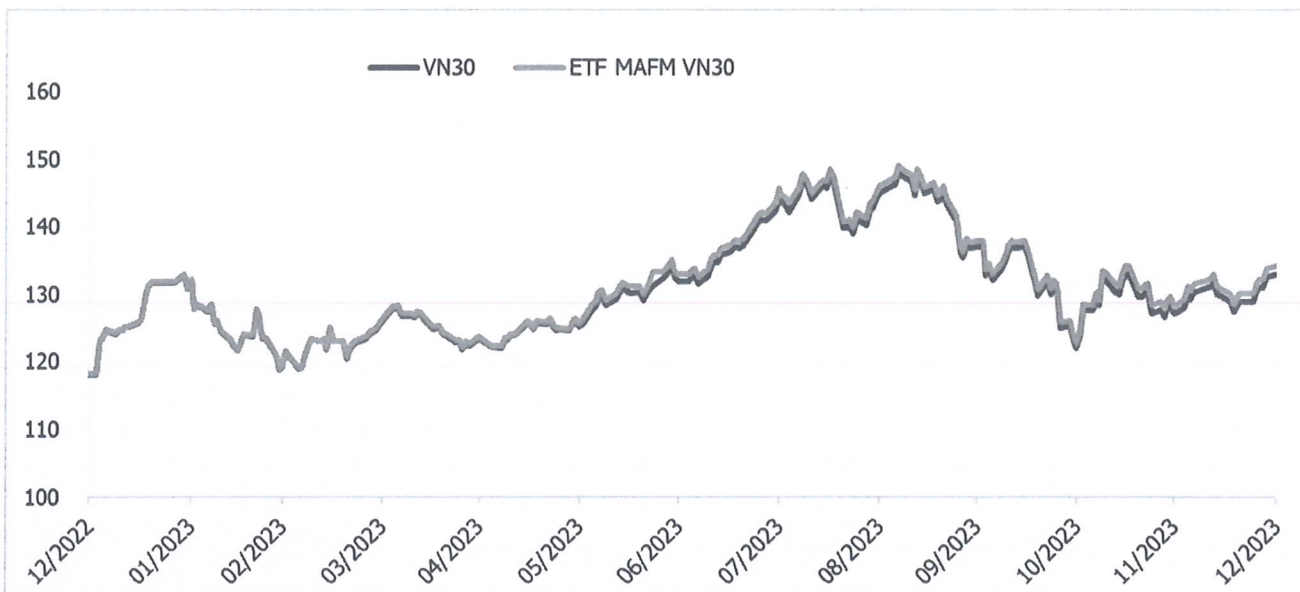
Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ phải bao gồm các nội dung sau:

a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ: không có

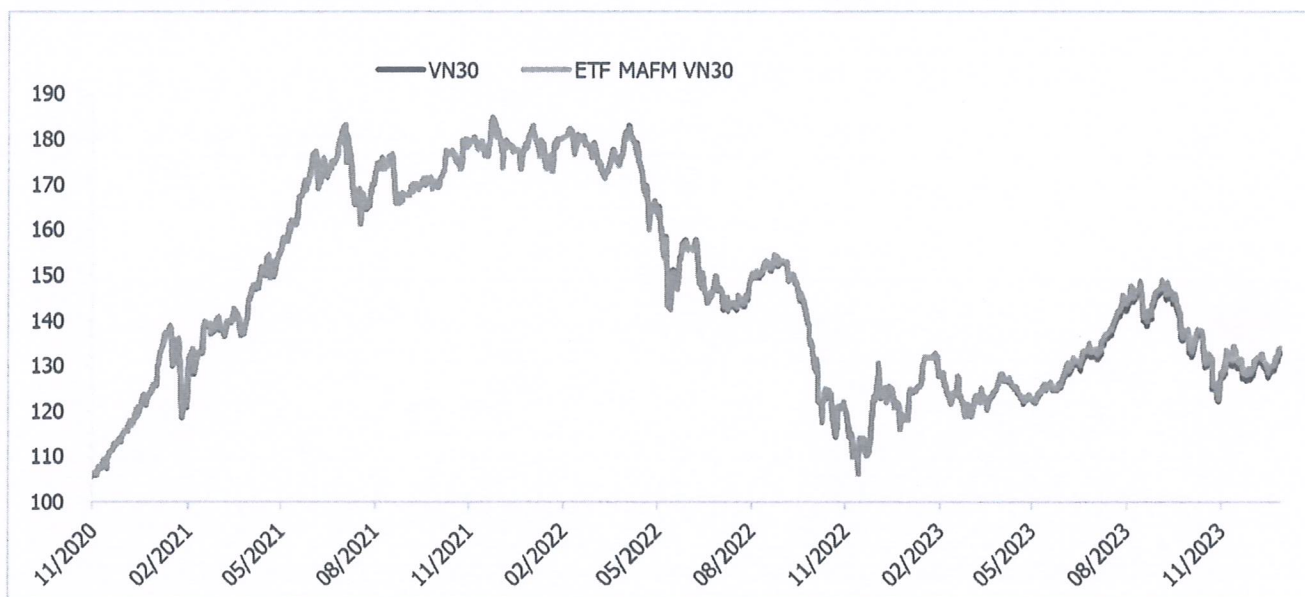
b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư (thuyết minh này chỉ cần thiết tại báo cáo hàng năm của quỹ):

Mục tiêu của Quỹ ETF MAFM VN30 là mô phỏng gần nhất có thể biến động (performance) của chỉ số VN30 sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Trong kỳ báo cáo, Quỹ đã đạt được mục tiêu đề ra khi mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu chỉ ở mức thấp khoảng 0,52%.

c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị):



d) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị):



e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ;

Quỹ sử dụng chiến lược đầu tư thụ động để thực hiện mục tiêu đầu tư đã định trước. Khi danh mục chứng khoán của chỉ số VN30 có sự thay đổi thì Quỹ sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của chỉ số VN30 về cơ cấu và tỷ trọng tài sản. Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với chỉ số tham chiếu và không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm hay hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định



giá quá cao. Việc đầu tư thụ động nhằm giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động.

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo:

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31/12/2023 không thay đổi nhiều so với cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề khi tỷ trọng đầu tư cổ phiếu chiếm trên 99%, do Quỹ là loại hình quỹ hoán đổi danh mục mô phỏng theo chỉ số. Sự khác biệt chủ yếu giữa hai kỳ do sự thay đổi cơ cấu tỷ trọng một số ngành trong danh mục đầu tư.

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất:

Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ tại ngày 31/12/2023 của Quỹ ETF MAFM VN30 là 13.410,17 đồng tăng 13,43% so với giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ tại ngày 31/12/2022, cùng thời gian đó chỉ số tham chiếu thay đổi tương ứng 13,17%.

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: cổ phiếu, cổ phiếu blue-chip, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small-cap):

Phần lớn thị trường chứng khoán toàn cầu có đà tăng điểm tốt trong tháng 12 khi lạm phát giảm và thông báo của Fed làm tăng thêm hy vọng về việc cắt giảm lãi suất vào năm 2024. Trong nước, trước áp lực bán mạnh từ khối ngoại, VN-Index chỉ dao động trong biên độ hẹp dù cả yếu tố bên ngoài (diễn biến tốt của các chỉ số toàn cầu) lẫn yếu tố bên trong (lãi suất thấp và thanh khoản dồi dào trong hệ thống ngân hàng) đều khá thuận lợi. Nhìn chung, VN-Index đóng cửa tháng ở mức 1129,93, tăng 3,27% so với tháng trước. Tính cả năm, VN-Index tăng 12,2%.

Khi kỳ nghỉ lễ đến, thanh khoản thị trường giảm nhẹ. Giá trị giao dịch bình quân ngày trên HSX trong tháng 12 là 15.954 tỷ đồng, giảm 4% so với tháng trước. Như đã đề cập trước đó, nhà đầu tư nước ngoài đã bán ròng 8,8 nghìn tỷ đồng cổ phiếu và 1,2 nghìn tỷ đồng quỹ ETF trên sàn HSX, lượng bán ròng hàng tháng lớn nhất trong năm 2023. Tính cả năm, nhà đầu tư nước ngoài đã bán ròng 19,5 nghìn tỷ đồng cổ phiếu trên sàn HSX.

i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách): không có

k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: không có

l) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan: không có

m) Các thông tin khác (nếu có).

#### **4. Báo cáo về hoạt động giám sát của Ngân hàng giám sát**

Ngân hàng giám sát đưa ra ý kiến về sự tuân thủ quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch của Công ty quản lý quỹ trong quá trình vận hành và quản lý quỹ ETF đối với các nội dung sau:

a) Thuyết minh về việc thay đổi Ngân hàng giám sát (nếu có): Từ 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023, Quỹ không thay đổi Ngân hàng giám sát.

b) Việc lưu ký tài sản của quỹ: được thực hiện tại ngân hàng giám sát, tách bạch với tài sản của công ty quản lý quỹ và các tài sản khác mà công ty quản lý quỹ đang quản lý.

c) Việc đầu tư tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch: Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành, Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch.

Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023, Quỹ không có bất kỳ hợp đồng vay và cho vay.

d) Việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ: việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

e) Việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ: theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch

Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023, Quỹ đã thực hiện:

- Phát hành thêm chứng chỉ Quỹ: phát hành thêm 100.000 chứng chỉ Quỹ với tổng giá trị phát hành theo mệnh giá là 1.000.000.000 đồng.
- Mua lại chứng chỉ Quỹ: mua lại 2.000.000 chứng chỉ Quỹ với tổng giá trị mua lại theo mệnh giá là 20.000.000.000 đồng

f) Việc phân chia lợi nhuận của quỹ: từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho Nhà Đầu Tư.

## 5. Báo cáo về hoạt động ủy quyền

Công ty quản lý quỹ phải lập báo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức khác (bên nhận ủy quyền), như dịch vụ đại lý chuyển nhượng, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng...với các nội dung sau:

a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ;

Chỉ tiêu	Tỷ lệ so với lợi nhuận	Tỷ lệ so với chi phí hoạt động	Tỷ lệ so với thu nhập
Tỷ lệ chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	0,15%	2,07%	0,14%
Tỷ lệ chi phí dịch vụ Quản trị Quỹ	0,26%	3,71%	0,25%

b) Việc đăng ký sở hữu tài sản (đối với trường hợp công ty đầu tư chứng khoán bất động sản);

c) Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ: Chỉ làm tăng chi phí nhưng không đáng kể, hạn chế tối thiểu mức độ rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của Quỹ

d) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ);

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN
1	Chi phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	66.000.000



2	Chi phí dịch vụ Quản trị quỹ	117.987.056
---	------------------------------	-------------

đ) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư: Tốt.

**Tổng Giám Đốc kiêm đại diện pháp luật**  
**Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)**

